

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ hồ sơ việc hôn nhân và gia đình thụ lý số: 484/2018/TLST-VHNGĐ ngày 12 tháng 3 năm 2018, giữa:

Người yêu cầu: Chị **Nguyễn Thị Huệ Ch**, sinh năm 1989.

Địa chỉ: 108, đường V, tổ 17B, Kp. 2, P. B, Tp. B, tỉnh Đồng Nai.

Người yêu cầu: Anh **Nguyễn Văn Hoàng H**, sinh năm 1986.

Địa chỉ: 195/7/11, xa lộ H, Kp. Q, P. B, thị xã D, tỉnh Bình Dương.

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213; khoản 4 Điều 397 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 55, 81, 82, 83 và Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 28 tháng 3 năm 2018.

XÉT THẤY

Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 28 tháng 3 năm 2018 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn bảy ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị **Nguyễn Thị Huệ Ch**, sinh năm 1989 và anh **Nguyễn Văn Hoàng H**, sinh năm 1986.

2. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

-Về con chung: Giao con chung là cháu **Nguyễn Hoàng Hải Đ**, sinh ngày 19/01/2016 cho chị **Nguyễn Thị Huệ Ch** chăm sóc, nuôi dưỡng. Anh **Nguyễn Văn Hoàng H** cấp dưỡng nuôi con chung số tiền 3.000.000đ/tháng cho đến khi cháu **Đ** tròn 18 tuổi và có khả năng lao động.

Vì không trực tiếp nuôi con nên anh **Nguyễn Văn Hoàng H** có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở. Vì quyền lợi của con khi cần thiết các bên được quyền xin thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc yêu cầu thay đổi mức cấp dưỡng nuôi con.

-Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xét.

-Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xét.

-Về lệ phí: Chị Nguyễn Thị Huệ Ch và anh Nguyễn Văn Hoàng H mỗi người phải nộp 150.000đ lệ phí hôn và nhân gia đình; được trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí 300.000đ đã nộp theo biên lai thu tạm ứng lệ phí số 006367 ngày 07/02/2018 của Chi Cục thi hành án dân sự thành phố B.

Kể từ ngày án có hiệu lực pháp luật, người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng người phải thi hành án còn phải chịu thêm khoản tiền lãi theo mức lãi suất quy định tại khoản 02 Điều 468 Bộ luật Dân sự 2015 tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 luật Thi hành án dân sự. Thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự, có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, 7, 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- VKSND Tp. B;
- Đường sự;
- UBND **p. B**;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Nguyễn Thị Phú